

Bản án số: **12/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 22-3-2019.
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Huy Quang;

Ông Trịnh Hữu Hiệp;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Nin - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 376/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Quốc N1, sinh năm: 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 10, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Ấp 1, xã Khánh Thuận, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 10, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trần Thanh N2 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 10, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

+ Bà Trần Thanh C (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 9, xã K, huyện U, tỉnh C ..

+ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền ông Dương Đăng Khoa, Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (theo giấy ủy quyền ngày 21/01/2019) có đơn xin vắng mặt ngày 01/02/2019. Bà P có đơn xin vắng mặt tại đơn yêu cầu ngày 13/02/2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 12 năm 2018, các lời trình bày trong quá trình tố tụng tại tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Quốc N1 trình bày: Ông với bà Nguyễn Thị P được gia đình tổ chức đám cưới và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống không được hạnh phúc do luôn bất đồng ý kiến trong lối sống, mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh và thường xuyên xảy ra cự cãi. Mâu thuẫn vợ chồng được gia đình hai bên hòa giải nhưng không hòa giải được. Vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay. Ông nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với bà P, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị P.

Về con chung: có 5 con chung tên Trần Phong Vũ, sinh năm: 1992; Trần Thanh Vũ, sinh năm: 1994; Trần Mỹ Xuyên, sinh năm: 1997; Trần Mỹ Kim Cương, sinh năm: 2000; Trần Bá Lộc, sinh ngày 01/12/2004. Đối với Trần Phong Vũ và Trần Mỹ Xuyên đã có gia đình riêng, các con chung còn lại sống với bà P. Sau khi ly hôn, các con chung đã đủ 18 tuổi, ông không yêu cầu. Đối với Trần Bá Lộc, sinh năm: 2004 ông đồng ý giao cho bà P nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000 đồng.

Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: Nợ ông Trần Thanh N2 01 chỉ vàng 24K và 3.000.000 đồng, nợ bà Trần Thanh C số tiền 3.000.000 đồng, nợ này ông đồng ý trả. Nợ Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện U Minh khi bà P vay ông không biết nhưng ông đồng ý cuối năm 2019 trả tiếp bà P 10.000.000 đồng.

- Tại biên bản hòa giải ngày 21 tháng 01 năm 2019 và tại đơn yêu cầu ngày 13 tháng 02 năm 2019, bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và đã nộp bản tự khai nêu ý kiến của bà. Đối với yêu cầu ly hôn của ông N1 bà đồng ý.

Về con chung: các con chung hiện đang chung sống với bà. Sau khi ly hôn con chung tên Trần Bá Lộc, sinh năm: 2004 bà đồng ý nuôi dưỡng, không yêu cầu ông N1 cấp dưỡng. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh huyện U Minh số tiền 18.000.000 đồng bà đồng ý trả nợ cho Ngân hàng chính sách.

Về khoản nợ của bà C và ông N2, bà không yêu cầu. Bà xin vắng mặt trong các phiên tòa. Yêu cầu tòa án xử được ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Tại công văn số 20/CV-PGD ngày 22 tháng 01 năm 2019 của phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện U Minh có ý kiến như sau: đề nghị ông Trần Quốc N1 và bà Nguyễn Thị P trả dứt nợ tính đến ngày 22/01/2019 còn nợ tiền gốc và tiền lãi là 18.024.854 đồng trước khi ra quyết định ly hôn. Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện U Minh xin vắng mặt trong quá trình hòa giải và xét xử vụ án.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng về nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Về nội dung: Do ông N1 và bà P chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn, tuy cùng đồng ý ly hôn nhưng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quan hệ giữa ông N1 và bà P không được công nhận là vợ chồng. Về con chung: Giao con chung tên Trần Bá Lộc, sinh năm: 2004 cho bà P nuôi dưỡng, con chung còn lại đã đủ 18 tuổi nên không xem xét. Về tài sản chung không yêu cầu nên không xem xét. Về nợ chung: ông N2 và bà C không có ý kiến nên không xem xét. Nợ Ngân hàng chính sách chưa đến hạn, chưa vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên không đặt ra xem xét việc trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh N2 từ chối tham gia tố tụng do cho rằng không liên quan đến vụ án và bà Trần Thanh C vắng mặt không có lý do, bà P và đại diện Ngân hàng chính sách có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông N2, bà C, bà P và đại diện Ngân hàng chính sách.

[2] Về nội dung: Ông N1 và bà P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, ông N1 yêu cầu được ly hôn với bà P, tại phiên hòa giải do Tòa án tiến hành bà P cũng đồng ý ly hôn. Do ông N1 và bà P không đăng ký kết hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận ông N1 với bà P là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông N1 và bà P có 5 con chung tên Trần Phong Vũ, sinh năm: 1992; Trần Mỹ Xuyên, sinh năm: 1997 (đã có gia đình riêng); Riêng Trần Thanh Vũ, sinh năm: 1994; Trần Mỹ Kim Cương, sinh năm: 2000; Trần Bá Lộc, sinh ngày 01/12/2004, hiện nay sống chung với bà P.

Đối với con chung đủ 18 tuổi và có gia đình riêng bà P và ông N1 không yêu cầu nên không xem xét. Đối với Trần Bá Lộc, sinh năm: 2004 hiện đang do bà P nuôi dưỡng, ông N1 cũng đồng ý giao con cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng nên giao con chung tên Trần Bá Lộc, sinh năm: 2004 cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng. Ông N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà P không yêu cầu cấp dưỡng, tuy nhiên, tại phiên tòa, ông N1 đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc ông N1 cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Bá Lộc, sinh ngày 01/12/2004, cho bà P mỗi tháng 1.200.000 đồng, cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Trường hợp bà P yêu cầu thi hành án phần nghĩa vụ này mà ông N1 chậm thực hiện thì ông N1 phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Nợ chung: Ông N1 và bà P xác định có nợ ông Trần Thanh N2 và bà Trần Thanh C nhưng ông N2 từ chối tham gia tố tụng, bà C không có ý kiến về khoản nợ do ông N1 và bà P nêu ra nên không đặt ra xem xét.

Đối với nợ của Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện U Minh, do trong thời gian chung sống với nhau có nợ Ngân hàng chính sách và ông N1 yêu cầu giải quyết quan hệ hôn nhân của ông N1 và bà P nên mặc dù khoản vay của Ngân hàng chính sách chưa đến hạn thanh toán nhưng phải xem xét nghĩa vụ nợ trong trong thời kỳ chung sống giữa ông N1 và bà P. Qua xem xét hợp đồng vay do Ngân hàng cung cấp chỉ có bà P là người ký hợp đồng vay và bà P đồng ý trả theo hợp đồng đã ký kết nên buộc bà P có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng chính sách chi nhánh huyện U Minh số tiền tính đến ngày 04/3/2019 tổng cộng là 18.066.280 đồng (tiền gốc là 18.000.000 đồng, tiền lãi 66.280 đồng) và tiếp tục chịu tiền lãi theo hợp đồng đã ký kết từ ngày 05/3/2019 cho đến khi trả hết số tiền còn thiếu.

Tại phiên tòa, ông N1 đồng ý cùng trả nợ cho Ngân hàng chính sách số tiền 10.000.000 đồng thanh toán vào cuối năm 2019, tuy nhiên bà P và đại diện Ngân hàng chính sách vắng mặt nên không xem xét ghi nhận việc tự thỏa thuận được mà để các bên tự thương lượng với nhau.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng, tổng cộng 600.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ bà P phải chịu 903.314 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 điều 227; khoản 2 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không công nhận ông Trần Quốc N1 và bà Nguyễn Thị P là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Bá Lộc, sinh ngày 01/12/2004 cho bà Nguyễn Thị P tiếp tục nuôi dưỡng. Ông N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Ghi nhận việc ông Trần Quốc N1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Bá Lộc cho bà Nguyễn Thị P mỗi tháng 1.200.000 (Một triệu hai trăm ngàn) đồng, cấp dưỡng hàng tháng, cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Trường hợp bà P yêu cầu thi hành án phần nghĩa vụ cấp dưỡng ông N1 chậm thực hiện thì ông N1 phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét. Nợ chung: Ông Trần Thanh N2 và bà Trần Thanh C không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Buộc bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội tiền vay tính đến ngày 04/3/2019 tổng cộng là 18.066.280 (Mười tám triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn hai trăm tám mươi) đồng, (trong đó số tiền gốc tổng cộng 18.000.000 đồng, tiền lãi 66.280 đồng) và tiếp tục chịu tiền lãi theo hợp đồng đã ký kết từ ngày 05/3/2019 cho đến khi trả hết số tiền còn thiếu.

- Án phí dân sự sơ thẩm ông Trần Quốc N1 phải chịu tổng cộng 600.000 đồng, đối trừ tiền tạm ứng án đã nộp số tiền 300.000 đồng ông N1 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004121 ngày 25 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, ông N1 phải nộp tiếp án phí số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ bà Nguyễn Thị P phải chịu 903.314 (Chín trăm lẻ ba ngàn, ba trăm mười bốn) đồng.

- Ông Trần Quốc N1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị P, ông Trần Thanh N2, bà Trần Thanh C, Ngân hàng chính sách vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THA DS huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Việt Hằng